TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST.
Ngày: 12-9- 2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 N, phường V, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ T D - Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Đ T- Chức danh: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh NT (Theo Quyết định V/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc V - Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh NT (Theo Giấy ủy quyền số 76/2023/GUQ-CNNT ngày 20/6/2023 V/v tham gia tố tụng và thi hành án) *(Có mặt)*.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T - Sinh năm 1976 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh

Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2023 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc Vũ trình bày:

Ngày 11/4/2014 ông Nguyễn Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S *(Viết tắt là Ngân hàng)* Hợp đồng sử dụng 01 thẻ tín dụng; bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*; lãi suất 2,1%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.500.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng TMCP S). Ông Nguyễn Thanh T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng TMCP S; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29.096.000 đồng (Chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng TMCP S; cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Thanh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng TMCP S) nên ngày 05/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng TMCP S). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 8.003.843 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày hôm nay (ngày 12/9/2023) ông Nguyễn Thanh T còn nợ Ngân hàng số tiền là 9.844.976 đồng *(Chín triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó: Số tiền gốc là 8.003.843 đồng; Số tiền lãi quá hạn là

1.841.133 đồng. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, ông Phạm Ngọc Vũ đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên và lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 13/9/2023 theo mức lãi suất quá hạn cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh T nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn mặc dù đã được thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là đúng theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự *(Viết tắt là BLTTDS)*.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Nguyễn Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2023 là 9.844.976 đồng *(Chín triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó: Số tiền gốc là 8.003.843 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 1.841.133 đồng và tiếp tục phải chịu khoản lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 13/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S) đã ký kết. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại khu phố 6, phường Bảo An, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T nhưng ông T không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.1]. Ngày 11/4/2014, ông Nguyễn Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng 01 thẻ tín dụng; bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 Thẻ tín dụng với mức sử dụng là 15.000.000 đồng.

[2.1.2]. Sau khi ký hợp đồng, ông Nguyễn Thanh T đã được Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng và nhận đủ số tiền hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Như vậy Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Thanh T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì từ ngày kích hoạt thẻ; ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.500.000 đồng và đến khi ngưng thanh toán đã trả Ngân hàng số tiền 29.096.000 đồng. Sau đó ông T không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần.

[2.1.3]. Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Nguyễn Thanh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2]. *Về lãi suất*: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2,1%/tháng; lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của bản Điều khoản). Mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản của Ngân hàng. Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng; ông T đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng trong các lần thực hiện giao dịch rút tiền mà không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2.2.1]. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Thanh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) nên ngày 05/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 8.003.843 đồng làm nợ gốc, áp

dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng, phù hợp với Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng; phù hợp với Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001; phù hợp với quy định tại Điều 418 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. *Về các loại phí liên quan đến thẻ*: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 2 của bản Điều khoản. Ông Nguyễn Thanh T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Thanh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với khoản 1, khoản 3 Điều 6 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 về việc ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng và phù hợp với khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.4]. Từ các phân tích như trên, thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T trả tổng số tiền 9.844.976 đồng; trong đó: Số tiền gốc là 8.003.843 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 1.841.133 đồng phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S); phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. *Đối với yêu cầu*: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 13/9/2023 theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S); phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh T, có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông T đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên

Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. *Về án phí*: Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả số tiền 9.844.976 đồng và được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn là ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 492.000 đồng (Đã làm tròn).

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 418, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 9.844.976 đồng *(Chín triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó: Số tiền gốc là 8.003.843 đồng *(Tám triệu, không trăm linh ba nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng)*; Số tiền lãi quá hạn là 1.841.133 *đồng (Một triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm ba mươi ba đồng)*.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2023), ông Nguyễn Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S) ngày 11/4/2014 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông Nguyễn Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 492.000 đồng (Đã làm tròn) *(Bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005477 ngày 23/6/2023 của Chi cục thi hành dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-9-2023). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng